

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/DS-ST.

Ngày: 28/9/2022

V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Thị Hoa

Bà Hoàng Thị Kim Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 22/TLST- DS ngày 10/5/2004 về tranh chấp kiện đòi tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105a/2022/QĐXXST-DS ngày 31/8/2022 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế K, sinh năm 1971(có mặt)

Địa chỉ: Bệnh viện đa khoa Aát, khu đô thị A, thị trấn C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: chị Đặng Thị V, sinh năm 1976(có mặt)

Địa chỉ: thôn Kh xã Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1967(có đơn xin vắng mặt).

HKTT: Thôn K, xã Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố số A, TTT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thế K trình bày: Do mối quan hệ quen biết với chị V nên năm 2003 anh thấy gia đình chị V có địa điểm đẹp để kinh doanh xăng dầu nên anh có nói chuyện với chị V. Gia đình chị V đã bàn bạc và quyết định kinh doanh xăng dầu. Do anh đang làm kinh doanh xăng dầu nên chị V có nhờ anh mua và lắp đặt hộ hai máy xăng và cung cấp xăng dầu cho chị V bán. Chị V khai là anh và gia đình chị V làm chung cây xăng là không đúng. Vì nếu làm chung thì phải có hợp đồng cụ thể và điều khoản thỏa thuận. Sau khi bán được vài tháng do chị V

không thanh toán hết tiền hàng và tiền máy cho anh nên anh có yêu cầu chị V viết giấy nhận nợ. Ngày 25/3/2004 chị V viết giấy còn nợ anh số tiền là 71.594.600 đồng. Ngày 10/5/2004 anh khởi kiện tại tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa yêu cầu chị V phải trả cho anh số tiền 71.594.600 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng định giá tài sản dân sự đã định giá trị giá hai máy xăng sau khi khấu trừ hao còn lại giá trị là 65%, trị giá máy xăng là 40.300.000 đồng. Do chị V không trả tiền nợ cho anh và đưa ra nhiều lý do nên anh đã mang hai máy xăng đi. Việc anh chuyển máy xăng đi được sự đồng ý của chị V, UBND xã Đông Lễ; Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa và Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa. Sau đó, anh đã đề nghị tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để anh đi chữa bệnh và hai bên tiếp tục thương lượng với nhau. Tuy nhiên, cho đến nay chị V vẫn chưa trả cho anh số tiền nợ còn lại sau khi trừ tiền hai máy xăng còn nợ là 31.294.600 đồng. Nay anh tiếp tục đề nghị tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết yêu cầu chị V phải trả cho anh số tiền còn nợ là 31.294.600 đồng. Anh không yêu cầu chị V phải trả cho anh tiền lãi.

Bị đơn là chị Đặng Thị V trình bày: Chị và anh K có mối quan hệ quen biết anh K nhận con chị làm con nuôi. Năm 2003, anh K có đặt vấn đề với chị là đặt cây xăng trên đất của chị và hai bên làm chung, chị đã đồng ý. Quá trình làm chung cây xăng thì mọi việc mua bán, lắp đặt cây xăng và thủ tục pháp lý đều do anh K thực hiện và theo dõi. Chị bán xăng đến đâu thì thanh toán tiền với anh K đến đó. Ngày 25/3/2004 chị có viết giấy biên nhận và xác nhận còn nợ anh K số tiền 71.594.600 đồng là đúng. Số tiền này gồm tiền hai máy xăng là 62 triệu, tiền công nghệ 9 triệu, còn tiền hàng chỉ rất ít. Chị có hẹn anh K khi nào làm xong giấy tờ pháp lý thì sẽ trả tiền. Một thời gian sau anh K lấy lý do bận công việc và bảo không làm chung nữa. Anh K có bảo chị lấy lại máy xăng nhưng chị không đồng ý chị bảo anh mang đến thì mang đi. Sau đó, anh K có khởi kiện chị ra Tòa yêu cầu chị trả số tiền còn nợ theo giấy nhận nợ ngày 25/3/2004 là 71.594.600 đồng. Chị không đồng ý trả vì chị cho rằng chị và anh K làm chung cây xăng, chị không vay tiền của anh K mà đó là tiền máy xăng anh K mang đến lắp đặt, anh K không làm chung nữa thì anh mang máy đi. Ngày 14/10/2004, Hội đồng định giá tài sản đã định giá hai máy xăng và xác định giá trị còn lại của hai máy xăng là 40.300.000 đồng. Chị không đồng ý với giá do hội đồng định giá đưa ra và không đồng ý mua lại máy xăng. Chị đã yêu cầu anh K mang máy xăng đến không làm chung nữa thì anh mang đi. Được sự đồng ý của chị; UBND xã Đông Lễ; Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa các bên đã lập biên bản ngày 14/10/2004 thống nhất cho anh K mang 02 máy xăng đi. Thời điểm anh K mang hai máy xăng đi bản thân chị nghĩ vụ án đã kết thúc. Nay chị lại nhận được thông báo của Tòa án về việc anh K tiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án và vụ án chưa kết thúc. Do thời gian đã lâu chị không nhớ cụ thể và không còn giấy tờ gì cung cấp cho Tòa án. Nay anh K yêu cầu chị phải trả số tiền còn nợ lại là 31.294.600 đồng thì chị không đồng ý trả.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 332 của Bộ luật dân sự năm 2015. khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế K.

1. Buộc chị Đặng Thị V phải trả cho anh Nguyễn Thế K số tiền còn nợ là: 31.294.600 đồng.

2. Về án phí: Chị V phải chịu 1.564.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành có có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ và nội dung đơn khởi kiện và tài liệu do nguyên đơn xuất trình xác định: anh Nguyễn Thế K khởi kiện chị Đặng Thị V yêu cầu trả số tiền còn nợ được xác định là tranh chấp kiện đòi tài sản theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là chị Đặng Thị V có hộ khẩu thường trú tại thôn Khoát, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn Chung nhưng anh C xác định không có liên quan gì trong vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh C theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2.] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh K yêu cầu chị V trả số tiền còn nợ 31.294.600 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Do có mối quan hệ quen biết thân thiết nên anh K có trao đổi với chị V về việc kinh doanh xăng dầu. Chị V đồng ý và có nhờ anh K mua hai máy xăng và cung cấp xăng dầu cho chị V bán. Quá trình kinh doanh xăng dầu do chị V chưa thanh toán các khoản tiền cho anh K nên ngày 25/3/2004 chị V có viết giấy nhận nợ với anh Kháng số tiền 71.594.600đồng. Chị V thừa nhận giấy nhận nợ do chị V viết là đúng nhưng số tiền này là tiền máy chứ không phải tiền chị vay nợ anh K. Chị có hẹn khi nào hoàn thành thủ tục giấy phép kinh doanh thì chị V thanh toán trả anh K số tiền trên. Chị V không thừa nhận số tiền còn nợ nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Sau đó anh K đã mang hai máy xăng đi. Nay anh K trừ số tiền hai máy xăng là 40.300.000đồng vào số tiền chị V nhận nợ và yêu cầu chị V trả số tiền còn nợ 31.294.600 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 332 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của anh K được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 332 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế K.

1. Buộc chị Đặng Thị V phải trả cho anh Nguyễn Thế K số tiền còn nợ là: 31.294.600 đồng.

2. Về án phí: Chị V phải chịu 1.564.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành có có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND H. Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Oanh